TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 – HUẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 546/2026/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Huế, ngày 18 tháng 8 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 608/2026/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2026, giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 2002; căn cước công dân số: 046302006418, cấp ngày 10/5/2021, tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; địa chỉ: Tổ dân phố T, phường D, thành phố Huế.

Bị đơn: Anh Trương Văn H, sinh năm 2000; căn cước công dân số: 046200006896, cấp ngày 05/4/2026, tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; địa chỉ: Tổ dân phố T, phường D, thành phố Huế.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 8 năm 2026.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 8 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Mỹ L và anh Trương Văn H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Mỹ L và anh Trương Văn H xác nhận có 01 con chung là Trương Nguyễn Thiên A, sinh ngày 18/7/2022.

Giao con chung Trương Nguyễn Thiên A cho chị Nguyễn Thị Mỹ L trực

tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi); anh Trương Văn H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 4.000.000 đồng (4.000.000 đồng/tháng), kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Trương Nguyễn Thiên A đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Sau khi Quyết định có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2.2. Về tài sản chung: Chị L và anh H xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về nghĩa vụ về tài sản: Chị L và anh H xác nhận không vay nợ ai, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Mỹ L tự nguyện chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000363 ngày 29/7/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Huế. Chị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8, 36 và 72 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND thành phố Huế;
- VKSND khu vực 1 - Huế;
- THADS thành phố Huế;
- UBND phường Dương Nỗ, TP. Huế *(ĐKKH số 16 ngày 17/3/2022 tại UBND xã Phú Dương cũ);*
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Văn Hạnh